

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 30 - 9 - 2022
V/v: “*Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chúc Ngân
Ông Nguyễn Ánh Ngọc

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Thống Nhất ghi biên bản phiên tòa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên
tòa:*** bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử
sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:470/2022/TLST-HNGĐ ngày 19
tháng 7 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 79A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022
và quyết định hoãn phiên tòa số:115/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2022 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** chị Sứ Thủy Y, sinh năm: 2001

Địa chỉ: Tổ 5, đường số 7, khu 1 ấp Thuận Hoà, xã Sông Thao, huyện
Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- ***Bị đơn:*** anh Lê Quang N, sinh năm: 2001.

HKTT: tổ 4, khu phố Phan Bội Châu, TT Dầu Giây, huyện Thống Nhất,
tỉnh Đồng Nai.

(*chị Y, anh N vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2022, lời khai trong quá trình giải quyết
vụ án nguyên đơn chị Sứ Thủy Y trình bày:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** chị Y quen biết yêu thương anh Lê Quang N là
tự nguyện được khoảng 02 năm, chị và anh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban
nhân dân Thị trấn DG, huyện TN vào ngày 20/12/2021, hôn nhân tự nguyện,
lần thứ nhất (bản chính giấy chứng nhận kết hôn anh N đang giữ). Sau khi kết
hôn vợ chồng chưa tổ chức tiệc cưới do dịch covid -19, sau khi kết hôn vợ
chồng chung sống lúc ở nhà nội, lúc về nhà ngoại, chị Y về nhà ngoại sống và
sinh con từ tháng 3/2022 tại tổ 5, đường số 7, khu 1, ấp T, xã S, huyện TB cho
đến nay còn anh N sống tại khu phố P, thị trấn DG, huyện TN, hàng tháng anh
N có lên thăm con.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau về tiền bạc. Anh N có biểu hiện dùng ma túy, vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc.

Anh N nghe theo bố mẹ chồng, khi vợ chồng còn đang ở chung bố mẹ chồng cha mẹ chồng và anh N hay bắt lỗi chị Y, từ đó chị không muốn sống chung với anh N bên nhà chồng.

Trước khi chị Y sinh con chị làm công nhân, thu nhập mỗi tháng được hơn 6.000.000 đồng. Hiện nay chị đang nghỉ thai sản nuôi con.

Về con chung : Chị và anh N có một con chung tên Lê Anh T, sinh ngày 27/4/2022 chị đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thư tại nhà ngoại, khi ly hôn chị Y xin được trực tiếp nuôi con chung, tạm thời chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản : chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung vợ chồng không có.

* Bị đơn anh Lê Quang N vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của chị Sứ Thủy Y.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/7/2022 bà Lê Thị Bích Hồng là bà nội sống cùng nhà với anh N khai: chị Y và anh N đã đăng ký kết hôn với nhau nhưng chưa tổ chức đám cưới do dịch covid, sau khi kết hôn Y và Nam có chung sống cùng bà được một thời gian, bà không chứng kiến gì về mâu thuẫn giữa Nam và Y, tháng 4/2022 chị Y sinh con và sống tại nhà ngoại đến nay, cách đây hai tháng anh N về sống chung với bà, Nam và Y không sống chung nguyên nhân bà không biết, Nam kể bà nghe Nam ghé thăm con Y không cho thăm gặp, bà biết sao nay khai vậy.

* Theo biên bản xác minh ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xác minh tại công an thị trấn DG và UBND thị trấn DG, huyện Thống Nhất về nơi cư trú của anh N và quan hệ hôn nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Sứ Thủy Y và anh Lê Quang N. Qua xác minh bà Lê Thị Hiền – Công an thị trấn DG cho biết anh Lê Quang N, sinh năm 2001 có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại tổ 4, KP P, thị trấn DG, huyện TN.

Ông Nguyễn Tâm – tổ trưởng tổ 4, KP P, thị trấn DG, huyện TN cho biết tình trạng hôn nhân của chị Y và anh N tổ và khu phố không nắm được nguyên nhân, lý do mâu thuẫn vợ chồng của chị Y, anh N. Tuy nhiên ông Tâm chỉ biết cách đây khoảng 02 tháng chị Y và anh N không còn sống chung với nhau chị Y về huyện Trảng Bom sinh sống anh N sống cùng gia đình tại tổ 4, KP P, thị trấn DG, huyện TN.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết tranh chấp: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y; về con chung: Hiện 01 con chung đang sinh sống và được chị Y nuôi dưỡng nên đề nghị HĐXX giao cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng, chị Y không yêu cầu anh N cấp dưỡng đề nghị HĐXX không xem xét trong vụ án này; Về chia tài sản không đặt ra xem xét; chị Y phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Sứ Thuỷ Y khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Lê Quang N có nơi cư trú tại huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] anh Lê Quang N đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N. Chị Sứ Thuỷ Y vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị Y.

[2] Về nội dung:

[2.1] chị Y, anh N tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2021, có đăng ký kết hôn, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân giữa chị Y và anh N là hợp pháp.

[2.2] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh N không đến Tòa án làm việc cũng như không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y. Tuy nhiên căn cứ vào kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, lời khai của chị Y đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị Y và anh N có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng trong đời sống vợ chồng, tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Từ khoảng hai tháng nay vợ chồng không sống chung nhà với nhau, không quan tâm, yêu thương nhau, việc ai nấy làm. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập anh N đến Tòa để hòa giải đoàn tụ theo quy định nhưng anh N không đến Tòa làm việc, qua đó thể hiện việc anh N không quyết tâm bảo vệ quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị Y. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị Y và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn

nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Y, cho ly hôn giữa chị Y và anh N.

[2.3] Về con Chung: vợ chồng chị Y anh N có 01 con chung là Lê Anh T, sinh ngày 27/4/2022 chị đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thư tại nhà ngoại. Nhằm ổn định cuộc sống của con trẻ cần tiếp tục giao cho chị Y được tiếp tục, trực tiếp nuôi con là hợp lý. Xét chị Y tạm thời không yêu cầu anh N góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh N.

[2.4] Về tài sản: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.5] Về nợ chung, nợ riêng: đương sự khai không có.

[3] chị Y là nguyên đơn trong vụ án này nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sứ Thuỷ Y, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” với anh Lê Quang N.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Sứ Thuỷ Y và anh Lê Quang N.

2. Về con chung: Giao cho chị Sứ Thuỷ Y được trực tiếp, tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Anh T, sinh ngày 27/4/2022. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh N do chị Y chưa yêu cầu.

Anh N được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: chị Sứ Thuỷ Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008844 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Sứ Thuỷ Y đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Sú Thuỷ Y, anh Lê Quang N được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND TT Dầu Giây, H Thống Nhất.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quang Phúc